

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1443 STP-BTTP
V/v triển khai thực hiện Thông tư số
11/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp và
Công văn số 7704/UBND-CNN,
7883/UBND-NC của UBND tỉnh

Đồng Nai, ngày 22 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, và thành phố Biên Hòa;
- Các tổ chức hành nghề công chứng.

Ngày 01/9/2015, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 11/2015/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26/02/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án. Đồng thời, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 7704/UBND-CNN ngày 23/9/2015 về thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp thửa đất có một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận và số 7883/UBND-NC ngày 28/9/2015 về điều chỉnh Công văn số 1183/UBND-NC ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh về việc công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh.

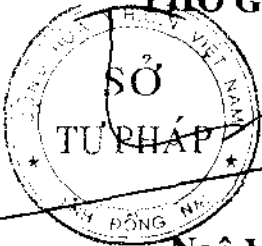
Sở Tư pháp đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cập nhật vào trang Thông tin điện tử của

Sở Tư pháp theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn/vbqp> để tải nội dung Thông tư và các Công văn nêu trên, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc, các PGD STP;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, BTTP (Hg).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Toàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7883~~ 7883/UBND-NC

Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2015

V/v điều chỉnh Công văn số 1183/UBND-NC
ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh.

Sr

1986
29/9

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã Long Khánh
và thành phố Biên Hòa;
- Các tổ chức hành nghề công chứng.

Ngày 10/02/2015, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1183/UBND-NC về việc công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh, căn cứ theo các quy định của Luật nhà ở năm 2005 và Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Tuy nhiên, đến nay, Luật nhà ở năm 2014 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2015, thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Điều 4 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực; các quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực, đã thay đổi các quy định về thẩm quyền chứng thực các hợp đồng, giao dịch của UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

Để thống nhất thực hiện quy định về thẩm quyền công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh theo Luật công chứng năm 2014; Luật nhà ở năm 2014 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, UBND tỉnh điều chỉnh nội dung Công văn số 1183/UBND-NC như sau:

1. Điều chỉnh nội dung khoản 1:

"1. Việc công chứng, chứng thực các hợp đồng về nhà ở, người dân có quyền lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại UBND cấp xã nơi có nhà ở theo Khoản 4, Điều 122 Luật nhà ở".

2. Điều chỉnh nội dung khoản 3:

“3. Thẩm quyền công chứng, chứng thực đối với di chúc, các văn bản liên quan đến di sản

a) Đối với việc công chứng, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, người dân có quyền lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc UBND cấp xã.

b) Đối với việc công chứng, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là bất động sản, người dân có quyền lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại UBND cấp xã nơi có bất động sản.

c) Đối với việc công chứng, chứng thực di chúc, văn bản từ chối nhận di sản, người dân có quyền lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại UBND cấp xã.”

3. Các nội dung còn lại của Công văn số 1183/UBND-NC ngày 10/02/2015, đề nghị UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức hành nghề công chứng tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định.

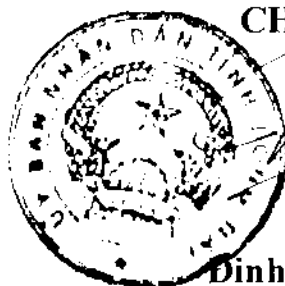
Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Nội vụ; Xây dựng;
Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, các phòng.

<Mainc.TV>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án (sau đây gọi là Thông tư số 08/2014/TT-BTP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2014/TT-BTP như sau:

1. Bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

Bổ sung khoản 1a Điều 4 như sau:

“1a. Trung tâm Đăng ký thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong phạm vi cả nước, không phân biệt theo địa giới hành chính nơi Trung tâm Đăng ký đặt trụ sở.

Cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn một trong các Trung tâm Đăng ký thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng và thông báo việc kê biên tài sản thi hành án”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 10a như sau:

“g) Người yêu cầu đăng ký là tổ chức, cá nhân sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của mình để đăng ký đối với giao dịch bảo đảm không do chính mình xác lập hoặc sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của tổ chức, cá nhân khác để đăng ký đối với giao dịch bảo đảm do chính mình xác lập”.

b) Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 10a như sau:

“i) Kê khai từ 02 số hợp đồng, giao dịch hoặc kê khai từ 02 thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch trở lên tại mục “Số giao dịch bảo đảm, hợp đồng” trên Đơn yêu cầu đăng ký”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 12a như sau:

“1. Mỗi tổ chức, cá nhân được cấp một mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến để thực hiện việc đăng ký đối với giao dịch bảo đảm do chính tổ chức, cá nhân đó xác lập.

Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên thì nộp một (01) bộ hồ sơ theo phương thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Hồ sơ yêu cầu cấp mã số khách hàng thường xuyên gồm:

a) Đơn yêu cầu đăng ký khách hàng thường xuyên *(01 bản chính)*;

b) Một trong các loại giấy tờ xác định tư cách pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp gồm: Chứng minh nhân dân theo pháp luật về chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân theo pháp luật về căn cước công dân nếu là cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo pháp luật về doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo pháp luật về đầu tư (đối với dự án đầu tư còn thời hạn hoạt động) hoặc quyết định thành lập nếu là tổ chức *(01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản chụp và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)*”.

b) Bãi bỏ Điều 12b.

c) Bổ sung Điều 12g như sau:

“Điều 12g. Giấy tờ chứng minh đối với trường hợp không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Các loại giấy tờ chứng minh bên thế chấp là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) bao gồm:

a) Hợp đồng thế chấp hoặc Hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)*;

b) Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)*.

2. Trường hợp người yêu cầu đăng ký nộp đơn yêu cầu đăng ký theo phương thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thì nộp đồng thời một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký nộp đơn yêu cầu đăng ký theo phương thức thư điện tử hoặc fax thì sau khi nhận được kết quả đăng ký, người yêu cầu đăng ký nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án để Trung tâm Đăng ký thực hiện không thu lệ phí.

3. Trường hợp Trung tâm Đăng ký phát hiện giấy tờ chứng minh nêu tại khoản 1 Điều này bị giả mạo hoặc bị tẩy xóa, rách nát thì Trung tâm Đăng ký thực hiện thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 8 như sau:

“e) Không mô tả hoặc mô tả không đầy đủ tài sản bảo đảm tại trường “Mô tả tài sản” hoặc trường “Số khung” trên giao diện đăng ký, mà đính kèm tại trường “Tập tin (file) PDF đính kèm” các tập tin (file) về tài sản bảo đảm hoặc các tập tin (file) tài liệu khác, trừ trường hợp tập tin (file) đính kèm là văn bản yêu cầu thông báo về việc thể chấp phương tiện giao thông cơ giới”.

b) Bổ sung điểm g và điểm h khoản 1 Điều 8 như sau:

“g) Kê khai từ 02 số hợp đồng, giao dịch hoặc kê khai từ 02 thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch trở lên vào trường “Số hợp đồng” trên giao diện đơn yêu cầu đăng ký trực tuyến”.

“h) Người yêu cầu đăng ký là tổ chức, cá nhân sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của mình để đăng ký đối với giao dịch bảo đảm không do chính mình xác lập hoặc sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của tổ chức, cá nhân khác để đăng ký đối với giao dịch bảo đảm do chính mình xác lập”.

5. Bổ sung khoản 9 Điều 2 như sau:

Bổ sung khoản 2a, khoản 2b và khoản 2c Điều 12 như sau:

2a. Các loại giấy tờ chứng minh bên thế chấp là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP bao gồm:

a) Hợp đồng thế chấp hoặc Hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*);

b) Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*).

2b. Sau khi nhận được kết quả đăng ký, người yêu cầu đăng ký nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2a Điều này kèm theo bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án để Trung tâm Đăng ký thực hiện không thu lệ phí.

2c. Trường hợp Trung tâm Đăng ký phát hiện giấy tờ chứng minh nêu tại khoản 2a Điều này bị giả mạo hoặc bị tẩy xóa, rách nát thì Trung tâm Đăng ký thực hiện thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

6. Sửa đổi khoản 10 Điều 2 như sau:

Sửa đổi khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và tài sản này không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc không phải là tài sản hình thành trong tương lai thì người yêu cầu đăng ký, chấp hành viên thực hiện việc thông báo kê biên tài sản thi hành án, người thực hiện đăng ký nhập chính xác số khung của phương tiện giao thông cơ giới đó tại trường “Số khung” trên giao diện đơn yêu cầu đăng ký trực tuyến. Mỗi một số khung của phương tiện giao thông cơ giới được nhập tương ứng với một ô số khung trên giao diện đơn yêu cầu đăng ký trực tuyến.

Trường hợp số khung của phương tiện giao thông cơ giới có ký tự đặc biệt (ví dụ: dấu *, #...) thì người yêu cầu đăng ký, chấp hành viên thực hiện việc thông báo kê biên tài sản thi hành án, người thực hiện đăng ký nhập đầy đủ số khung (bao gồm cả ký tự đặc biệt) tại trường “Mô tả tài sản” trên giao diện đơn yêu cầu đăng ký trực tuyến, đồng thời nhập số khung không bao gồm ký tự đặc biệt tại trường “Số khung” trên giao diện đơn yêu cầu đăng ký trực tuyến”.

7. Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2014/TT-BTP.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã sử dụng mã số khách hàng thường xuyên và tài khoản đăng ký trực tuyến của tổ chức, cá nhân khác để đăng ký đối với giao dịch bảo đảm do chính mình xác lập trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, nay có yêu cầu đăng ký thay đổi, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký thì tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký khách hàng thường xuyên tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và sử dụng mã số khách hàng thường xuyên, tài khoản đăng ký trực tuyến được cấp để thực hiện đăng ký thay đổi, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết. *NE*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Thủ trưởng (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Chính phủ;
- Công báo (02 bản);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp: Vụ Các vấn đề chung về XDPL, Vụ Pháp luật dân sự- kinh tế, Cục Kiểm soát TTHC, Cục Kiểm tra VBQPPL, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục DKQGĐBĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Khánh Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 7704/UBND-CNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2015

V/v thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp thửa đất có một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận.

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Sau khi xem xét Công văn số 3729/STNMT-CCQLDD ngày 08/9/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thống nhất thẩm quyền ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trong cùng một thửa đất có một phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trước đây chưa đủ điều kiện cấp (nay xem xét, đủ điều kiện cấp); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Để đảm bảo trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đúng quy định, giao UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Đăng ký tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, UBND cấp xã rà soát, kiểm tra hiện trạng, nguồn gốc, quá trình sử dụng phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trước đây; trường hợp đủ điều kiện thì UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có văn bản thống nhất (đối với một hoặc nhiều trường hợp) về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích chưa được cấp và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường ký, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích thửa đất (*lưu ý chỉ thực hiện đối với trường hợp trong cùng một thửa đất, không thực hiện đối với trường hợp trước đây nhiều thửa, nay do gộp thành một thửa hoặc ranh giới có thay đổi*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- Cục thuế tỉnh;
- Phòng TNMT các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.NMH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

